

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ IV NĂM 2010
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.012.039.602	21.790.320.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.583.414	889.572.340
1. Tiền	111		91.583.414	889.572.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		724.877.186	442.637.416
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	242.104.212	176.800.539
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	482.772.974	265.836.877
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	5.697.482.964	10.802.193.577
1. Hàng tồn kho	141		5.697.482.964	10.802.193.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.498.096.038	9.655.917.097
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.714.605.026	1.373.634.360
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		783.491.012	8.282.282.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.757.339.804	248.151.723.500
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		204.139.533.213	220.136.086.851
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	197.250.558.092	213.341.416.185
<i>Nguyên giá</i>	222		345.170.662.925	345.146.117.470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(147.920.104.833)	(131.804.701.285)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.6	6.683.820.000	6.683.820.000
<i>Nguyên giá</i>	228		6.683.820.000	6.683.820.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	205.155.121	110.850.666
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		42.617.806.591	28.015.636.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	42.600.806.591	27.998.636.649
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.000.000	17.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		255.769.379.406	269.942.043.930
			-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		201.278.850.331	217.320.284.602
I. Nợ ngắn hạn	310		60.438.223.451	47.427.512.722
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	40.309.240.000	30.442.240.018
2. Phải trả người bán	312	V.11	12.683.730.855	12.531.119.427
3. Người mua trả tiền trước	313		3.826.157	4.681.704
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	952.887.057	1.190.819.184
5. Phải trả người lao động	315	V.13	3.213.410.383	1.419.205.683
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2.265.028.403	1.715.717.745
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	963.360.546	113.188.911
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	46.740.050	10.540.050
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		140.840.626.880	169.892.771.880
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	140.759.420.000	169.811.565.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.10	81.206.880	81.206.880
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.490.529.075	52.621.759.328
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.490.529.075	52.621.759.328
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.18	(158.100.000)	(158.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	4.648.629.075	2.779.859.328
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		255.769.379.406	269.942.043.930

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

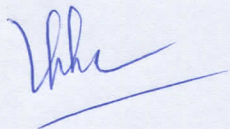
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		591,43	28.593,40
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010

Nguyễn Hữu Hoàn
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ IV	
			NĂM 2010	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2009
1	2		3	4	5	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	39.083.908.146	34.858.973.776	148.772.799.984	119.921.496.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.083.908.146	34.858.973.776	148.772.799.984	119.921.496.477
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	31.144.822.263	32.701.841.773	119.634.909.662	105.945.563.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.939.085.883	2.157.132.003	29.137.890.322	13.975.933.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	89.676.382	798.166.389	1.404.162.402	6.164.006.453
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.016.630.814	5.598.227.629	16.728.519.773	11.368.405.821
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		<i>3.016.645.214</i>	<i>5.021.379.498</i>	<i>13.164.027.999</i>	<i>10.020.499.207</i>
8. Chi phí bán hàng	24		468.092.185	580.531.045	2.072.577.465	1.306.426.779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.878.279.781	1.641.463.937	5.668.869.157	5.015.642.927
10. Lợi tức thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.665.759.485	-4.864.924.219	6.072.086.329	2.449.464.113
11. Thu nhập khác	31			201.500.450	0	201.500.450
12. Chi phí khác	32		10.000.000	550.000	10.000.000	108.494.452
13. Lợi nhuận khác	40		-10.000.000	200.950.450	-10.000.000	93.005.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.655.759.485	-4.663.973.769	6.062.086.329	2.542.470.111
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	442.239.871		1.621.221.582	522.361.019
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.213.519.614	-4.663.973.769	4.440.864.747	2.020.109.092

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011


 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
 Nguyễn Hữu Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

ST T	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Quý IV/2010	Quý IV/09
	1	2	3	4	5
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103.927.602.722	83.561.379.181
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-70.694.622.161	-87.651.939.209
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		-11.524.712.450	-12.136.081.830
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		-9.887.961.698	-5.022.636.376
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-1.048.000.000	-15.200.000.000
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.011.108.406	988.616.465
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-867.557.191	-7.555.189.633
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.915.857.628	-43.015.851.402
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-47.879.000	-105.668.151.909
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			68.145.237.663
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			0
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.056.345	1.975.915.734
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-13.822.655	-35.546.998.512
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	-290.000.000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		132.720.000	102.054.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-21.736.060.018	-8.492.000.000
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-23.767.500.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-21.603.340.018	69.504.500.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		-701.305.045	-9.058.349.914
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		889.572.340	21.634.094.207
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	188.267.295	12.575.744.293

Kế toán trưởng



Tp. HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2011

Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Hữu Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải biển trong và ngoài nước; thực hiện các dịch vụ đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức; môi giới hàng hải; cung ứng tàu biển; kinh doanh xuất nhập khẩu.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2
Máy móc và thiết bị	14 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6.67
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 31

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng các năm trước được phân bổ vào chi phí năm 2009 theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 60 tháng. Các công cụ dụng cụ đưa vào sử dụng kỳ này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 60 tháng.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tàu các năm trước được phân bổ vào chi phí năm 2009 theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 60 tháng. Chi phí sửa chữa tàu phát sinh kỳ này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 60 tháng.

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian là 5 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận như sau:

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian phân bổ là 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	72.174.876	116.295.212
Tiền gửi ngân hàng	19.408.538	773.277.128
Cộng	91.583.414	889.572.340

2. Phải thu khách hàng

Phải thu tiền dịch vụ vận tải.

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước		67.240.592
Nhà cung cấp nước ngoài	3.826.157	109.559.947
Cộng	3.826.157	176.800.539

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền ăn thuyền viên	132.052.724	219.326.065
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	35.523.275	29.655.535
Các khoản khác	315.196.975	16.855.277
Cộng	482.772.974	265.836.877

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.691.582.964	10.793.548.577
Công cụ, dụng cụ	5.900.000	8.645.000
Cộng	5.697.482.964	10.802.193.577

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	180.751.962	2.062.872.244	(898.907.610)	1.344.716.596
Chi phí bảo hiểm tàu	950.051.002	8.158.504.684	(8.758.374.529)	350.181.157
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	242.831.396	199.693.757	(422.817.880)	19.707.273
Cộng	1.373.634.360	10.421.070.685	(10.080.100.019)	1.714.605.026

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.235.675.183	174.524.497	337.518.753.357	217.164.433	345.146.117.470
Mua sắm mới	-	24.545.455	-	-	24.545.455
Số cuối kỳ	7.235.675.183	199.069.952	337.518.753.357	217.164.433	345.170.662.925
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	49.534.382	54.534.824.213	141.308.443	54.725.667.038
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	182.773.604	95.509.828	131.349.803.517	176.614.336	131.804.701.285
Khấu hao trong kỳ	144.713.508	30.263.941	15.913.104.720	27.321.379	16.115.403.548
Số cuối kỳ	327.487.112	125.773.769	147.262.908.237	203.935.715	147.920.104.833
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.052.901.579	79.014.669	206.168.949.840	40.550.097	213.341.416.185
Số cuối kỳ	6.908.188.071	73.296.183	190.255.845.120	13.228.718	197.250.558.092
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 323.399.521.600 VND và 190.255.845.120 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Sở Giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí đầu tư mua tàu.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	4.263.894.829	3.130.929.907	(1.312.588.604)	6.082.236.132
Chi phí sửa chữa tàu	13.015.061.820	9.117.527.944	(4.118.094.305)	18.014.495.459
Chênh lệch tỷ giá phân bổ	10.719.680.000	10.698.850.000	(2.914.455.000)	18.504.075.000
Cộng	27.998.636.649	22.947.307.851	(8.345.137.909)	42.600.806.591

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (*)	1.120.000.000	749.885.018
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.17)	39.189.240.000	29.692.355.000
Cộng	40.309.240.000	30.442.240.018

(*) Khoản vay các cá nhân để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	749.885.018	-	1.252.720.000	1.120.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	29.692.355.000	1.319.035.000	39.750.995.000	39.189.240.000
Cộng	30.442.240.018	997.965.000	41.003.715.000	40.309.240.000

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp trong nước	10.863.756.743	9.756.565.302
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	1.819.974.112	2.774.554.125
Cộng	12.683.730.855	12.531.119.427

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853.689.057	438.593.009
Thuế thu nhập cá nhân	99.198.000	752.226.175
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	952.887.057	1.190.819.184

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10% đối với vận tải trong nước và thuế suất 0% đối với hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.062.086.329	2.542.470.111
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	422.800.000	442.450.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.484.886.329	2.984.920.111
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.621.221.582	746.230.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	-	223.869.009
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.440.864.747	522.361.019

(*) Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả người lao động

Quý lương được trích theo tỷ lệ 14% trên doanh thu. Số dư cuối kỳ là lương của thuyền viên các tàu chưa nhận do điều kiện tàu hành trình xa chưa về Việt Nam.

14. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	89.431.960	21.316.800
Bảo hiểm xã hội	53.664.996	11.409.365
Bảo hiểm y tế	10.976.931	2.927.725
Bảo hiểm thất nghiệp	4.878.636	41.333.178
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		1.680.000
Phải trả khác	804.408.023	34.521.843
Cộng	963.360.546	113.188.911

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	10.540.050
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	80.000.000
Số chi trong kỳ	(43.800.000)
Số cuối kỳ	46.740.050

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>		
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á ^(a)	92.293.500.000	100.918.125.000
Sở Giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam ^(b)	48.465.920.000	68.893.440.000
Cộng	140.759.420.000	169.811.565.000

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á để bổ sung vốn thanh toán tiền mua tàu White Saga (Sea Dragon). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Northern Star.

(b) Khoản vay Sở Giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam để bổ sung mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	40.309.240.000
Trên 1 năm đến 5 năm	140.759.420.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	181.068.660.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	169.811.565.000
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.379.815.000
Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(38.431.960.000)
Số cuối kỳ	140.759.420.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	(168.100.000)	819.750.236	50.651.650.236
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(290.000.000)	-	(290.000.000)
Lợi nhuận thực hiện trong năm	-	-	2.020.109.092	2.020.109.092
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	300.000.000	-	300.000.000
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	(158.100.000)	2.779.859.328	52.621.759.328
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	(158.100.000)	2.779.859.328	52.621.759.328
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.440.864.747	4.440.864.747
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(2.492.095.000)	(2.492.095.000)
Số dư cuối kỳ	50.000.000.000	(158.100.000)	4.648.629.075	54.490.529.075

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước 2.492.095.000

Tạm ứng cổ tức năm nay -

Cộng 2.492.095.000**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	15.810	15.810
- Cổ phiếu phổ thông	15.810	15.810
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.984.190	4.984.190
- Cổ phiếu phổ thông	4.984.190	4.984.190
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	146.463.793.284	119.921.496.477
Doanh thu bán dầu trên tàu cho thuê	2.309.006.700	-
Doanh thu thuần	148.772.799.984	119.921.496.477

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển.	117.325.902.962	105.945.563.290
Giá vốn bán dầu trên tàu cho thuê	2.309.006.700	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	119.634.909.662	105.945.563.290

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		1.521.952.950
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	36.440.912	1.545.958.465
Lãi bán ngoại tệ	1.015.814.500	3.062.644.159
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	351.906.990	33.450.879
Cộng	1.404.162.402	6.164.006.453

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.164.027.999	10.020.499.207
Lỗ bán ngoại tệ	109.902.014	197.464.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.454.589.760	1.150.442.085
Cộng	16.728.519.773	11.368.405.821

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.751.423.015	3.004.138.079
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.526.599	131.712.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.200.263	222.589.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.971.832	1.458.193.532
Chi phí bằng tiền khác	1.304.747.448	199.009.610
Cộng	5.668.869.157	5.015.642.927

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.440.864.747	2.020.109.092
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.440.864.747	2.020.109.092
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	4.984.190	4.968.004
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	891	407

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.984.190	4.983.190
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 3 năm 2009 - 21.000 CP		(17.036)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 13 tháng 5 năm 2009 - 5.000 CP		(3.192)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 3 tháng 9 năm 2009 - 3.000 CP		(986)
Ảnh hưởng của tái phát hành cổ phiếu quỹ tháng 10 năm 2009 - 30.000 CP		6.028
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.984.190	4.968.004

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.159.381.110	45.586.079.598
Chi phí nhân công	22.972.983.768	18.214.134.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.115.403.548	13.159.299.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.822.020.863	28.481.253.093
Chi phí khác	13.306.566.995	6.826.865.496
Cộng	127.376.356.284	112.267.632.996

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	711.087.500	725.552.460
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	11.466.000	6.606.000
Cộng	722.553.500	732.158.460

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	Cổ đông góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	24.990.240.000	22.964.480.000
Vay dài hạn hạn	48.465.920.000	68.893.440.000
Cổ tức phải trả	-	-
Cộng nợ phải trả	73.456.160.000	91.857.920.000

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011


Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Hoàn
Giám đốc